TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 12 - 2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Liêu Bích Nga

Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **A**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn M, huyện N, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Anh **B**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2022 và bản tự khai nguyên đơn chị A trình bày:

Chị và anh B tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bạc Liêu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 07/12/2018. Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống khoảng 01 tháng thì anh B trở về Đài Loan và sau đó khoảng 02 tháng anh B có về Việt Nam thăm chị và làm thủ tục bảo lãnh chị đi Đài Loan, nhưng phỏng vấn không đạt, anh B ở lại Việt Nam 01 tháng thì tiếp tục trở về Đài Loan đến nay, có liên lạc bằng điện thoại, nhưng từ tháng 12/2020 đến nay thì không thể liên lạc được. Nay thông

qua mạng xã hội biết anh B đã kết hôn với người khác, chị A xin ly hôn với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh B, khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tống đạt văn bản tố tụng cho anh B, Tòa án triệu tập anh B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 02/11/2022, Bộ Tư pháp ban hành Văn bản số 2828/BTP-PLQT thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp cho anh B, nội dung: *'' Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 13/9/2022 bằng phương thức: Chuyển cho người sống chung cùng đương sự*". Tuy nhiên, anh B không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị A cư trú tại tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B cư trú tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn anh B đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh B không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị A và anh B.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bạc Liêu cấp

Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 07/12/2018, nên hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam công nhận và bảo vệ.

Từ khoảng cuối năm 2020 đến nay chị A và anh B không còn liên lạc với nhau. Chị A xác định hiện tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người ở một nơi anh B cũng không có ý kiến phản hồi, hay yêu cầu hàn gắn đoàn tụ với chị A.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", nhưng hôn nhân của chị A và anh B không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau và thực tế hiện nay mỗi người một nơi không liên lạc được, là mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

[4] Trong quá trình chung sống chị A xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp, chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

1. Về hôn nhân: Cho chị A ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp:

Chị A phải chịu 200.000 đồng. Chị A đã nộp lệ phí 200.000 đồng, (hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000075 ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu lệ phí.

4. Về án phí:

Án phí dân sự về Hôn nhân và gia đình chị A phải chịu 300.000 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0000139 ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Liêu Bích Nga **Vũ Thị Huệ** **Nguyễn Thị Thu Hương**

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện N;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương